Lưới phép tính

Mẫu giáo | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Người lớn có thể đọc to hướng dẫn này. Cộng hai số ở mỗi hàng và mỗi cột. Viết số còn thiếu vào mỗi ô trống.

Cộng theo hàng và theo cột: số sau dấu = là tổng.

1

☐	+	3	= 7
+		+	
☐	+	4	= 5
=		=	
5		7	

2

4	+	3	= 7
+		+	
2	+	☐	= ☐
=		=	
6		7	

3

5	+	☐	= 6
+		+	
4	+	☐	= 9
=		=	
9		6	

4

4	+	☐	= 8
+		+	
1	+	☐	= 4
=		=	
5		7	

Lưới phép tính

Mẫu giáo | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

4	+	3	= 7
+		+	
1	+	4	= 5
=		=	
5		7	

2

4	+	3	= 7
+		+	
2	+	4	= 6
=		=	
6		7	

3

5	+	1	= 6
+		+	
4	+	5	= 9
=		=	
9		6	

4

4	+	4	= 8
+		+	
1	+	3	= 4
=		=	
5		7	

Lưới phép tính

Lớp 1 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Hàng đọc từ trái sang phải, cột từ trên xuống dưới. Dùng phép cộng và phép trừ.

1

☐	− 14	=	3
−	−		
☐	− 13	=	0
=	=		
4	☐		

2

☐	− 12	=	2
−	−		
3	+ ☐	=	13
=	=		
☐	2		

3

3	− ☐	=	1
+	−		
☐	− 2	=	5
=	=		
10	☐		

4

☐	+ 5	=	9
−	−		
1	+ ☐	=	☐
=	=		
3	0		

Lưới phép tính

Lớp 1 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

17	−	14	= 3
−		−	
13	−	13	= 0
=		=	
4		1	

2

14	−	12	= 2
−		−	
3	+	10	= 13
=		=	
11		2	

3

3	−	2	= 1
+		−	
7	−	2	= 5
=		=	
10		0	

4

4	+	5	= 9
−		−	
1	+	5	= 6
=		=	
3		0	

Lưới phép tính

Lớp 2 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Mỗi hàng và cột có ba số. Cộng, trừ từ trái sang phải.

1

☐	+ 35	+ ☐	= 79
+	−	+	
15	+ 28	− ☐	= 15
+	+	−	
27	− ☐	+ 15	= 31
=	=	=	
48	18	51	

2

☐	+ ☐	− 20	= 31
+	+	+	
☐	+ 33	− ☐	= 40
−	−	−	
23	+ 31	− 28	= 26
=	=	=	
30	31	16	

3

☐	+ 22	− 12	= 37
+	+	+	
9	+ 6	+ ☐	= 42
+	−	−	
35	+ 27	− 33	= ☐
=	=	=	
☐	1	6	

4

4	+ ☐	+ 35	= 54
+	−	−	
☐	− 4	+ 20	= 55
−	+	+	
☐	+ ☐	− 30	= 11
=	=	=	
37	46	45	

Lưới phép tính

Lớp 2 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

6	+ 35	+ 38	= 79
+	−	+	
15	+ 28	− 28	= 15
+	+	−	
27	− 11	+ 15	= 31
=	=	=	
48	18	51	

2

22	+ 29	− 20	= 31
+	+	+	
31	+ 33	− 24	= 40
−	−	−	
23	+ 31	− 28	= 26
=	=	=	
30	31	16	

3

27	+ 22	− 12	= 37
+	+	+	
9	+ 6	+ 27	= 42
+	−	−	
35	+ 27	− 33	= 29
=	=	=	
71	1	6	

4

4	+ 15	+ 35	= 54
+	−	−	
39	− 4	+ 20	= 55
−	+	+	
6	+ 35	− 30	= 11
=	=	=	
37	46	45	

Lưới phép tính

Lớp 3 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Bây giờ có thêm ×. Tính từ trái sang phải cho cùng kết quả với nhân trước.

1

10	×	9	−	☐ = 79
+		×		+
☐	−	☐	−	5 = ☐
−		−		−
☐	+	11	+	7 = 30
=		=		=
10		7		9

2

2	×	5	×	☐ = 80
×		+		×
☐	+	☐	−	2 = 14
×		−		+
10	+	☐	−	☐ = 11
=		=		=
80		14		18

3

10	×	☐	−	3 = 77
+		+		×
12	−	☐	+	☐ = 14
+		+		−
☐	+	12	−	☐ = 13
=		=		=
25		27		25

4

4	×	☐	−	5 = ☐
+		×		×
☐	×	8	−	7 = 17
+		+		+
12	+	6	+	☐ = 28
=		=		=
☐		78		45

Lưới phép tính

Lớp 3 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

10	×	9	−	11	=	79
+		×		+		
12	−	2	−	5	=	5
−		−		−		
12	+	11	+	7	=	30
=		=		=		
10		7		9		

2

2	×	5	×	8	=	80
×		+		×		
4	+	12	−	2	=	14
×		−		+		
10	+	3	−	2	=	11
=		=		=		
80		14		18		

3

10	×	8	−	3	=	77
+		+		×		
12	−	7	+	9	=	14
+		+		−		
3	+	12	−	2	=	13
=		=		=		
25		27		25		

4

4	×	9	−	5	=	31
+		×		×		
3	×	8	−	7	=	17
+		+		+		
12	+	6	+	10	=	28
=		=		=		
19		78		45		

Lưới phép tính

Lớp 4 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Đủ bốn phép tính. Mọi phép chia đều chia hết, không có dư.

1

11	×	4	÷	☐ = ☐
×		+		×
☐	×	5	+	☐ = 35
÷		−		+
3	×	6	+	40 = ☐
=		=		=
11		☐		80

2

☐	+	☐	−	11 = 73
−		÷		×
10	×	☐	+	☐ = 126
+		×		÷
☐	+	18	+	6 = 39
=		=		=
53		54		☐

3

30	+	13	−	☐ = 36
+		×		×
☐	×	5	−	☐ = 19
+		+		÷
40	÷	☐	×	☐ = ☐
=		=		=
77		73		56

4

18	+	☐	+	☐ = 72
÷		÷		×
☐	×	3	+	8 = ☐
+		+		−
14	+	48	+	☐ = ☐
=		=		=
23		60		129

Lưới phép tính

Lớp 4 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

11	×	4	÷	2	=	22
×		+		×		
3	×	5	+	20	=	35
÷		−		+		
3	×	6	+	40	=	58
=		=		=		
11		3		80		

2

48	+	36	−	11	=	73
−		÷		×		
10	×	12	+	6	=	126
+		×		÷		
15	+	18	+	6	=	39
=		=		=		
53		54		11		

3

30	+	13	−	7	=	36
+		×		×		
7	×	5	−	16	=	19
+		+		÷		
40	÷	8	×	2	=	10
=		=		=		
77		73		56		

4

18	+	36	+	18	=	72
÷		÷		×		
2	×	3	+	8	=	14
+		+		−		
14	+	48	+	15	=	77
=		=		=		
23		60		129		

Lưới phép tính

Lớp 5 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Số thập phân đến hàng phần mười. Đặt các dấu phẩy thẳng hàng khi cộng, trừ.

1

☐	+	☐	− 6 = 19,5
+		−	−
☐	×	6	+ 2,2 = 11,2
−		+	+
2	×	8,2	+ 9,9 = ☐
=		=	=
12		☐	☐

2

4,7	−	1,6	+ ☐ = 12,5
+		×	+
14,5	+	9	− 12,4 = ☐
−		+	−
☐	×	☐	+ 6 = 90,6
=		=	=
5,1		☐	☐

3

9,2	+	☐	+ ☐ = 29,9
+		×	+
☐	+	☐	− 10 = 14,1
+		+	+
☐	+	1,2	+ 11,6 = 13,5
=		=	=
20,8		☐	36,3

4

☐	−	6	− 1,3 = 5,4
+		×	×
☐	+	7,3	+ ☐ = 22,1
−		+	+
12,7	+	☐	− ☐ = 15,2
=		=	=
☐		55,4	14,3

Lưới phép tính

Lớp 5 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

12,5	+ 13	− 6	= 19,5
+	−	−	
1,5	× 6	+ 2,2	= 11,2
−	+	+	
2	× 8,2	+ 9,9	= 26,3
=	=	=	
12	15,2	13,7	

2

4,7	− 1,6	+ 9,4	= 12,5
+	×	+	
14,5	+ 9	− 12,4	= 11,1
−	+	−	
14,1	× 6	+ 6	= 90,6
=	=	=	
5,1	20,4	15,8	

3

9,2	+ 6	+ 14,7	= 29,9
+	×	+	
10,9	+ 13,2	− 10	= 14,1
+	+	+	
0,7	+ 1,2	+ 11,6	= 13,5
=	=	=	
20,8	80,4	36,3	

4

12,7	− 6	− 1,3	= 5,4
+	×	×	
10,8	+ 7,3	+ 4	= 22,1
−	+	+	
12,7	+ 11,6	− 9,1	= 15,2
=	=	=	
10,8	55,4	14,3	

Lưới phép tính

Lớp 6 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Số âm với +, − và ×. Âm nhân âm được dương.

1

−6	− 19	+	=
×	×	−	
6	×	+ −17	= −5
+	+	−	
	+ 15	+ 9	= 9
=	=	=	
		17	

2

14	+ −20	+ 5	=
−	+	×	
	× −12	−	= 65
−	−	+	
	+ −16	− 18	= −33
=	=	=	
19			

3

	− 10	− −10	= 2
×	+	−	
−16	×	−	=
−	−	+	
	− −6	+ 16	=
=	=	=	
−37	19	−6	

4

−1	− 11	+	= −5
−	−	×	
6	× 14	+ 7	=
+	+	+	
−19	−	+	= −32
=	=	=	
	7		

Lưới phép tính

Lớp 6 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

−6	−	19	+	9	=	−16
×		×		−		
6	×	2	+	−17	=	−5
+		+		−		
−15	+	15	+	9	=	9
=		=		=		
−51		53		17		

2

14	+	−20	+	5	=	−1
−		+		×		
−6	×	−12	−	7	=	65
−		−		+		
1	+	−16	−	18	=	−33
=		=		=		
19		−16		53		

3

2	−	10	−	−10	=	2
×		+		−		
−16	×	3	−	12	=	−60
−		−		+		
5	−	−6	+	16	=	27
=		=		=		
−37		19		−6		

4

−1	−	11	+	7	=	−5
−		−		×		
6	×	14	+	7	=	91
+		+		+		
−19	−	10	+	−3	=	−32
=		=		=		
−26		7		46		

Lưới phép tính

Lớp 7 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Số âm với cả bốn phép tính. Kiểm tra dấu của mỗi kết quả.

1

☐	− 8 −	☐	= 21
+	÷	+	
−8	× ☐ ÷	☐	= ☐
−	×	+	
15	− −24 +	☐	= 44
=	=	=	
−3	96	12	

2

☐	× −6 ÷	−10	= −6
×	×	+	
☐	÷ ☐ −	−30	= ☐
−	×	−	
−9	÷ ☐ ×	☐	= −15
=	=	=	
49	−72	−45	

3

2	× −3 −	−30	= ☐
−	×	÷	
11	+ ☐ +	−15	= ☐
+	−	×	
☐	÷ ☐ −	15	= −11
=	=	=	
7	−58	☐	

4

10	+ 18 +	☐	= ☐
−	÷	+	
−18	÷ −9 ×	☐	= −72
+	×	+	
−16	+ −24 −	☐	= −60
=	=	=	
☐	☐	−34	

Lưới phép tính

Lớp 7 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

20	− 8	− −9	= 21
+	÷	+	
−8	× −2	÷ 16	= 1
−	×	+	
15	− −24	+ 5	= 44
=	=	=	
−3	96	12	

2

−10	× −6	÷ −10	= −6
×	×	+	
−4	÷ 4	− −30	= 29
−	×	−	
−9	÷ 3	× 5	= −15
=	=	=	
49	−72	−45	

3

2	× −3	− −30	= 24
−	×	÷	
11	+ 18	+ −15	= 14
+	−	×	
16	÷ 4	− 15	= −11
=	=	=	
7	−58	30	

4

10	+ 18	+ −18	= 10
−	÷	+	
−18	÷ −9	× −36	= −72
+	×	+	
−16	+ −24	− 20	= −60
=	=	=	
12	48	−34	

Lưới phép tính

Lớp 8 | 2026-11-13 | Phiếu bài tập

Mỗi hàng là một phép tính đọc từ trái sang phải, mỗi cột là một phép tính đọc từ trên xuống dưới. Viết số còn thiếu vào các ô trống để mọi phép tính đều đúng. Hãy bắt đầu từ hàng hoặc cột chỉ có một ô trống.

Hai hình tròn che một dấu phép tính: viết +, −, × hoặc ÷. Sau đó điền các ô trống.

1

☐	÷ −3	+ −5	= −6
−	×	×	
−3 ○	☐	+ 18	= −9
+	−	÷	
☐ ○	8	+ ☐	= 47
=	=	=	
42	−35	−30	

2

−14	÷ 14	+ −4	= ☐
−	+	○	
☐	− −24	○ 2	= 13
+	−	−	
☐	× ☐	− 8	= −44
=	=	=	
−14	−14	−16	

3

20	× ☐	+ ☐	= 55
÷	×	×	
2	+ −14 ○	−12	= −24
+	+	+	
☐ ○	14	+ ☐	= 43
=	=	=	
34	−28	65	

4

−30	÷ 6	× −10	= ☐
−	×	+	
12	− 15 ○	−5	= 2
−	÷	+	
☐ ○	15	+ ☐	= −4
=	=	=	
−30	☐	−22	

Lưới phép tính

Lớp 8 | 2026-11-13 | Đáp án

Các số và dấu màu cam là đáp án. Cùng con kiểm tra lại từng hàng và từng cột.

1

3	÷	−3	+ −5 = −6
−		×	×
−3	×	9	+ 18 = −9
+		−	÷
36	+	8	+ 3 = 47
=		=	=
42		−35	−30

2

−14	÷	14	+ −4 = −5
−		+	×
−9	−	−24	− 2 = 13
+		−	−
−9	×	4	− 8 = −44
=		=	=
−14		−14	−16

3

20	×	3	+ −5 = 55
÷		×	×
2	+	−14	+ −12 = −24
+		+	+
24	+	14	+ 5 = 43
=		=	=
34		−28	65

4

−30	÷	6	× −10 = 50
−		×	+
12	−	15	− −5 = 2
−		÷	+
−12	+	15	+ −7 = −4
=		=	=
−30		6	−22